

QUỐC HỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Luật số:...../20..../QH...

Hà Nội, ngày tháng..... năm.....

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU
CỦA LUẬT AN TOÀN THỰC PHẨM

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật an toàn thực phẩm.

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Cơ bản giữ nguyên quy định Luật an toàn thực phẩm.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

- Quy định rõ hơn các khái niệm điều kiện đầu tư kinh doanh và điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm, chế biến thực phẩm, sơ chế thực phẩm

- Bổ sung các khái niệm “sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ”, “nguyên liệu thực phẩm”, “thực phẩm đã qua chế biến”, “hậu kiểm”, “đăng ký bản công bố”, “dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm”.

- Sửa đổi khái niệm “sản xuất”, “kinh doanh” để thống nhất với các luật khác (luật đầu tư, luật doanh nghiệp).

- Sửa đổi, bổ sung khái niệm “kiểm nghiệm thực phẩm” theo hướng bao gồm kiểm nghiệm chất lượng, an toàn thực phẩm.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý an toàn thực phẩm

Cơ bản giữ nguyên quy định Luật an toàn thực phẩm.

Điều 4. Chính sách của Nhà nước về an toàn thực phẩm

Cơ bản giữ nguyên quy định Luật an toàn thực phẩm.

Điều 5. Những hành vi bị cấm

Sửa đổi, bổ sung điểm h, khoản 5 để phù hợp với thuật ngữ “đăng ký bản công bố”.

Điều 6. Xử lý vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm

Cơ bản giữ nguyên quy định Luật an toàn thực phẩm.

CHƯƠNG II QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC CÁ NHÂN TRONG BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất thực phẩm

Cơ bản giữ nguyên quy định Luật an toàn thực phẩm.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm

Cơ bản giữ nguyên quy định Luật an toàn thực phẩm.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng thực phẩm

Cơ bản giữ nguyên quy định Luật an toàn thực phẩm.

CHƯƠNG III ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM AN TOÀN ĐỐI VỚI THỰC PHẨM

Điều 10. Điều kiện chung về bảo đảm an toàn đối với thực phẩm

Cơ bản giữ nguyên quy định Luật an toàn thực phẩm.

Điều 11. Điều kiện bảo đảm an toàn đối với thực phẩm tươi sống

Cơ bản giữ nguyên quy định Luật an toàn thực phẩm.

Điều 12. Điều kiện bảo đảm an toàn đối với thực phẩm đã qua chế biến

- Sửa đổi quy định tại khoản 3 theo hướng thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn phải đăng ký bản công bố sản phẩm trước khi lưu thông trên thị trường để phù hợp với tình hình thực tiễn cũng như thông lệ quốc tế.

- Bổ sung quy định chủ thể đăng ký bản công bố sản phẩm (nhà sản xuất, tổ chức được nhà sản xuất ủy quyền, Văn phòng đại diện nước ngoài của nhà sản xuất tại Việt Nam).

- Bổ sung nội dung giao Chính phủ quy định thẩm quyền, trường hợp, trình tự thu hồi đăng ký bản công bố sản phẩm.

Điều 13. Điều kiện bảo đảm an toàn đối với thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng

Cơ bản giữ nguyên quy định Luật an toàn thực phẩm.

Điều 14. Điều kiện bảo đảm an toàn đối với thực phẩm chức năng

Bổ sung quy định các cơ sở sản xuất thực phẩm chức năng phải áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (thực phẩm bảo vệ sức khỏe phải áp dụng Thực hành sản xuất tốt - GMP; thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm bổ sung áp dụng HACCP, Tiêu chuẩn ISO 22000).

Điều 15. Điều kiện bảo đảm an toàn đối với thực phẩm biến đổi gen

Cơ bản giữ nguyên quy định Luật an toàn thực phẩm.

Điều 16. Điều kiện bảo đảm an toàn đối với thực phẩm đã qua chiếu xạ

Cơ bản giữ nguyên quy định Luật an toàn thực phẩm.

Điều 17. Điều kiện bảo đảm an toàn đối với phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến thực phẩm

- Sửa đổi quy định tại khoản 4 theo hướng phụ gia thực phẩm phải đăng ký bản công bố sản phẩm trước khi lưu thông trên thị trường để phù hợp với tình hình thực tiễn; bỏ danh mục chất hỗ trợ chế biến quy định tại khoản 3 để phù hợp với thông lệ quốc tế.

- Bổ sung quy định về điều kiện đối với các sản phẩm cần quản lý đặc biệt.

Điều 18. Điều kiện bảo đảm an toàn đối với dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm

Sửa đổi quy định tại khoản 3 theo hướng dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm phải đăng ký bản công bố sản phẩm trước khi lưu thông trên thị trường.

CHƯƠNG IV**ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM TRONG SẢN XUẤT,
KINH DOANH THỰC PHẨM****Mục 1****ĐIỀU KIỆN CHUNG VỀ BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM
TRONG SẢN XUẤT, KINH DOANH THỰC PHẨM**

Điều 19. Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm

- Sửa đổi khoản 2 theo hướng Chính phủ quy định quy định cụ thể về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm (điều kiện đầu tư kinh doanh) để phù hợp với Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và thực tiễn.

- Bổ sung yêu cầu về kiểm nghiệm định kỳ (cơ sở có GMP, HACCP, ISO 22000 kiểm nghiệm định kỳ 11 lần/12 tháng; các cơ sở khác kiểm nghiệm 1 lần/ 6 tháng) để sản phẩm lưu hành trên thị trường luôn đảm bảo chất lượng và an toàn.

- Bổ sung quy định đối với kinh doanh thực phẩm trực tuyến (qua mạng).

Điều 20. Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong bảo quản thực phẩm

Cơ bản giữ nguyên quy định Luật an toàn thực phẩm 2.

Điều 21. Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong vận chuyển thực phẩm

Bổ sung thêm nghĩa vụ đối với xe vận chuyển rau, củ, quả tươi và các sản phẩm đã qua sơ chế, chế biến.

Điều 22. Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ

Sửa đổi khoản 2 và khoản 3 theo hướng Chính phủ quy định quy định cụ thể về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ (điều kiện đầu tư kinh doanh) để phù hợp với Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Mục 2

ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM TRONG SẢN XUẤT, KINH DOANH THỰC PHẨM TƯƠI SỐNG

Điều 23. Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm tươi sống

Sửa đổi khoản 2 theo hướng Chính phủ quy định quy định cụ thể về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm tươi sống

(điều kiện đầu tư kinh doanh) để phù hợp với Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Điều 24. Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm tươi sống

Sửa đổi khoản 2 theo hướng Chính phủ quy định quy định cụ thể về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm tươi sống (điều kiện đầu tư kinh doanh) để phù hợp với Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Mục 3

ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM TRONG SƠ CHẾ, CHẾ BIẾN THỰC PHẨM, KINH DOANH THỰC PHẨM ĐÃ QUA CHẾ BIẾN

Điều 25. Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm

Cơ bản giữ nguyên quy định Luật an toàn thực phẩm.

Điều 26. Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với nguyên liệu, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, vi chất dinh dưỡng dùng để chế biến thực phẩm

Cơ bản giữ nguyên quy định Luật an toàn thực phẩm.

Điều 27. Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm đã qua chế biến

Cơ bản giữ nguyên quy định Luật an toàn thực phẩm.

Mục 4

ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM TRONG KINH DOANH DỊCH VỤ ĂN UỐNG

Điều 28. Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với nơi chế biến, kinh doanh dịch vụ ăn uống

Cơ bản giữ nguyên quy định Luật an toàn thực phẩm.

Điều 29. Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở chế biến, kinh doanh dịch vụ ăn uống

Cơ bản giữ nguyên quy định Luật an toàn thực phẩm.

Điều 30. Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong chế biến và bảo quản thực phẩm

Cơ bản giữ nguyên quy định Luật an toàn thực phẩm.

Mục 5

ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM TRONG KINH DOANH THỨC ĂN ĐƯỜNG PHỐ

Điều 31. Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với nơi bày bán thức ăn đường phố

Cơ bản giữ nguyên quy định Luật an toàn thực phẩm.

Điều 32. Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với nguyên liệu, dụng cụ ăn uống, chứa đựng thực phẩm và người kinh doanh thức ăn đường phố

Cơ bản giữ nguyên quy định Luật an toàn thực phẩm.

Điều 33. Trách nhiệm quản lý kinh doanh thức ăn đường phố

Sửa đổi khoản 1 theo hướng Chính phủ quy định quy định cụ thể về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với kinh doanh thức ăn đường phố (điều kiện đầu tư kinh doanh) để phù hợp với Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật

CHƯƠNG V

CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM TRONG SẢN XUẤT, KINH DOANH THỰC PHẨM

Điều 34. Đối tượng, điều kiện cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

Bổ sung quy định hậu kiểm sau cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

Điều 35. Thẩm quyền cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

Bổ sung nội dung giao Chính phủ quy định trình tự, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

Điều 36. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

Sửa đổi, bổ sung khoản 1 theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính (bỏ thành phần hồ sơ như Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vì có thể kiểm tra trên hệ thống điện tử hoặc áp dụng cơ chế liên thông hệ thống đối với cấp qua hệ thống dịch vụ công; bỏ yêu cầu xác nhận của cơ quan quản lý đã được tập huấn kiến thức về ATTP của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm mà thay vào đó chỉ cần chủ cơ sở xác nhận.

Điều 37. Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

Cơ bản giữ nguyên quy định Luật an toàn thực phẩm.

**CHƯƠNG VI
NHẬP KHẨU VÀ XUẤT KHẨU THỰC PHẨM**

Mục 1

**ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM AN TOÀN ĐỐI VỚI
THỰC PHẨM NHẬP KHẨU**

Điều 38. Điều kiện bảo đảm an toàn đối với thực phẩm nhập khẩu

Sửa đổi, bổ sung khoản 1 theo hướng thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm nhập khẩu trước khi nhập khẩu phải được đăng ký bản công bố sản phẩm.

Điều 39. Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu

Cơ bản giữ nguyên quy định Luật an toàn thực phẩm.

Điều 40. Trình tự, thủ tục và phương thức kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu

Sửa đổi, bổ sung theo hướng quy định phương thức kiểm tra phù hợp đối với từng loại hàng hóa

Mục 2

**ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM AN TOÀN ĐỐI VỚI
THỰC PHẨM XUẤT KHẨU**

Điều 41. Điều kiện bảo đảm an toàn đối với thực phẩm xuất khẩu

Cơ bản giữ nguyên quy định Luật an toàn thực phẩm.

Điều 42. Chứng nhận đối với thực phẩm xuất khẩu

Sửa đổi, bổ sung khoản 2 theo hướng Chính phủ quy định thẩm quyền và trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do để phù hợp với Luật quản lý ngoại thương.

CHƯƠNG VII QUẢNG CÁO, GHI NHÃN THỰC PHẨM

Điều 43. Quảng cáo thực phẩm

- Bổ sung nội dung các thực phẩm phải được xác nhận nội dung quảng cáo trước khi quảng cáo để thực hiện theo tinh thần cải cách thủ tục hành chính.
- Bổ sung điều kiện để đăng ký nội dung quảng cáo.

Điều 44. Ghi nhãn thực phẩm

Cơ bản giữ nguyên quy định Luật an toàn thực phẩm.

CHƯƠNG VIII KIỂM NGHIỆM THỰC PHẨM, PHÂN TÍCH NGUY CƠ ĐỐI VỚI AN TOÀN THỰC PHẨM, PHÒNG NGỪA, NGĂN CHẶN VÀ KHẮC PHỤC SỰ CỐ VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Mục 1

KIỂM NGHIỆM THỰC PHẨM

Điều 45. Yêu cầu đối với việc kiểm nghiệm thực phẩm

Cơ bản giữ nguyên quy định Luật an toàn thực phẩm.

Điều 46. Cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm

Sửa đổi, bổ sung theo hướng bãi bỏ quy định tại điểm c khoản 1.

Điều 47. Kiểm nghiệm phục vụ giải quyết tranh chấp về an toàn thực phẩm

Sửa đổi, bổ sung theo hướng đưa ra điều kiện thống nhất và quy định về việc xây dựng mạng lưới các phòng kiểm nghiệm kiểm chứng phục vụ chung cho các ngành trong toàn quốc.

Điều 48. Chi phí lấy mẫu và kiểm nghiệm thực phẩm

Cơ bản giữ nguyên quy định Luật an toàn thực phẩm 2.

Mục 2**PHÂN TÍCH NGUY CƠ ĐỐI VỚI AN TOÀN THỰC PHẨM**

Điều 49. Đối tượng phải được phân tích nguy cơ đối với an toàn thực phẩm

Cơ bản giữ nguyên quy định Luật an toàn thực phẩm.

Điều 50. Hoạt động phân tích nguy cơ đối với an toàn thực phẩm

Cơ bản giữ nguyên quy định Luật an toàn thực phẩm.

Điều 51. Trách nhiệm thực hiện phân tích nguy cơ đối với an toàn thực phẩm

Cơ bản giữ nguyên quy định Luật an toàn thực phẩm.

Mục 3**PHÒNG NGỪA, NGĂN CHẶN VÀ KHẮC PHỤC SỰ CỐ
VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM**

Điều 52. Phòng ngừa, ngăn chặn sự cố về an toàn thực phẩm

Cơ bản giữ nguyên quy định Luật an toàn thực phẩm.

Điều 53. Khắc phục sự cố về an toàn thực phẩm

Sửa đổi, bổ sung theo hướng quy định rõ hơn trách nhiệm của các cơ quan liên quan, sự phối hợp trong tổ chức điều tra nguyên nhân, ngăn chặn nguy cơ ATTP.

Mục 4**TRUY XUẤT NGUỒN GỐC THỰC PHẨM, THU HỒI VÀ XỬ LÝ
ĐỐI VỚI THỰC PHẨM KHÔNG BẢO ĐẢM AN TOÀN**

Điều 54. Truy xuất nguồn gốc thực phẩm đối với thực phẩm không bảo đảm an toàn

Cơ bản giữ nguyên quy định Luật an toàn thực phẩm.

Điều 55. Thu hồi và xử lý đối với thực phẩm không bảo đảm an toàn

Cơ bản giữ nguyên quy định Luật an toàn thực phẩm.

CHƯƠNG IX
THÔNG TIN, GIÁO DỤC, TRUYỀN THÔNG VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Điều 56. Mục đích, yêu cầu của thông tin, giáo dục, truyền thông về an toàn thực phẩm

Cơ bản giữ nguyên quy định Luật an toàn thực phẩm.

Điều 57. Nội dung thông tin, giáo dục, truyền thông về an toàn thực phẩm

Cơ bản giữ nguyên quy định Luật an toàn thực phẩm.

Điều 58. Đối tượng tiếp cận thông tin, giáo dục, truyền thông về an toàn thực phẩm

Cơ bản giữ nguyên quy định Luật an toàn thực phẩm.

Điều 59. Hình thức thông tin, giáo dục, truyền thông về an toàn thực phẩm

Cơ bản giữ nguyên quy định Luật an toàn thực phẩm.

Điều 60. Trách nhiệm trong thông tin, giáo dục, truyền thông về an toàn thực phẩm

Cơ bản giữ nguyên quy định Luật an toàn thực phẩm.

CHƯƠNG X
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM
Mục 1
TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Điều 61. Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm

- Sửa đổi, bổ sung theo hướng tổ chức một bộ máy quản lý nhà nước theo hướng thống nhất chỉ một đầu mối.

- Quy định rõ hơn nguyên tắc phân cấp quản lý nhà nước về ATTP giữa Trung ương và địa phương.

Điều 62. Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của Bộ Y tế

Sửa đổi, bổ sung theo hướng phân cấp mạnh mẽ hơn cho địa phương

Điều 63. Trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

Sửa đổi, bổ sung theo hướng phân cấp mạnh mẽ hơn cho địa phương

Điều 64. Trách nhiệm của Bộ Công Thương

Sửa đổi, bổ sung theo hướng phân cấp mạnh mẽ hơn cho địa phương

Điều 65. Trách nhiệm quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân các cấp

Sửa đổi, bổ sung theo hướng làm rõ hơn trách nhiệm của UBND các cấp

Mục 2**THANH TRA AN TOÀN THỰC PHẨM****Điều 66. Thanh tra về an toàn thực phẩm**

Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về thanh tra ATTP, lực lượng thanh tra ATTP để phù hợp với Luật Thanh tra mới.

Điều 67. Nội dung thanh tra về an toàn thực phẩm

Sửa đổi, bổ sung nội dung thanh tra ATTP để phù hợp với Luật Thanh tra mới.

Mục 3**KIỂM TRA AN TOÀN THỰC PHẨM****Điều 68. Trách nhiệm kiểm tra an toàn thực phẩm**

Sửa đổi, bổ sung theo hướng tách bạch với thanh tra và gắn liền với hoạt động quản lý nhà nước thường xuyên của cơ quan nhà nước các cấp

Điều 69. Quyền hạn và nhiệm vụ của cơ quan quản lý an toàn thực phẩm trong kiểm tra an toàn thực phẩm

Cơ bản giữ nguyên quy định Luật an toàn thực phẩm.

Điều 70. Đoàn kiểm tra

Cơ bản giữ nguyên quy định Luật an toàn thực phẩm.

CHƯƠNG XI**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 71. Hiệu lực thi hành**

- Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm .

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 20.....

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI